

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 75/2022/DS-ST

Ngày 26-9-2022

V/v “tranh chấp hợp đồng
góp hụi”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Bằng.
2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Chị Lương Kim L, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

- Anh Trần Thanh Đ, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Lê Thị Thùy D, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị L có mặt tại phiên tòa; anh Đ xin vắng mặt, chị D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 22/6/2022, Tờ tường trình không ghi ngày, tháng, năm và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Kim L trình bày:**

Chị L và chị D, anh Đ có quen biết vì là hàng xóm với nhau tại Khu dân cư xã T, chị Lê Thị Thùy D có tham gia nhiều dây hụi do chị làm chủ, cụ thể như sau:

+ Dây thứ nhất: Hụi tuần, mở ngày 06/7/2019 âm lịch, một tuần khui một lần, hụi 250.000 đồng/phần, gồm có 28 phần, trong đó chị D tham gia 04 phần. Quy định hụi sống đóng 200.000 đồng, hụi chết đóng 250.000 đồng. Ở các lần khui thứ nhất, thứ hai và thứ 4, chị D đã hốt hụi, tổng số tiền hụi chị L đã giao cho chị D là 18.000.000 đồng. Số tiền chị D phải đóng tiếp là: Hụi chết: 24 lần x 3 phần x 250.000 đồng = 18.000.000 đồng và Hụi sống: 4 lần x 1 phần x 200.000 đồng = 800.000 đồng. Đến lần khui hụi thứ năm cho đến khi dây hụi kết thúc, chị D không tiếp tục đóng hụi nên chị L đã phải đóng thay cho chị D tổng số tiền hụi là 17.200.000 đồng.

+ Dây thứ hai: Hụi tháng, khui ngày 10/9/2019 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng/phần, có 23 phần, chị D tham gia 03 phần. Quy định hụi sống đóng 750.000 đồng, hụi chết đóng 1.000.000 đồng. Hụi khui lần thứ nhất, chị D hốt hụi, đã nhận đủ tiền hụi là 20.000.000 đồng. Từ đó cho đến khi hụi kết thúc, chị D không đóng tiền hụi, tổng số tiền chị L đã đóng thay cho chị D là 18.500.000 đồng.

+ Dây hụi thứ ba: Hụi tuần, khui lần đầu ngày 08/10/2019 âm lịch, hụi 250.000 đồng/phần, gồm có 30 phần, chị D tham gia 01 phần. Quy định hụi sống đóng 200.000 đồng, hụi chết đóng 250.000 đồng. Hụi khui lần thứ hai thì chị D hốt hụi, chị L đã giao đủ số tiền hụi là 7.000.000 đồng. Từ lần khui hụi thứ ba đến khi dây hụi kết thúc, chị D không đóng hụi, chị L đã đóng thay cho chị D số tiền là: 6.750.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 4: Hụi tuần, khui lần đầu ngày 11/10/2019 âm lịch, hụi 250.000 đồng/phần, gồm 30 phần, chị D tham gia 01 phần. Quy định hụi sống đóng 200.000 đồng, hụi chết đóng 250.000 đồng. Hụi khui đến lần thứ tư thì chị D hốt hụi, chị L đã giao số tiền hụi là 6.500.000 đồng cho chị D. Kể từ lần khui hụi thứ 5 cho đến khi dây hụi kết thúc chị D không đóng hụi, chị L phải đóng hụi thay cho chị D số tiền là: Hụi chết 26 lần x 250.000 đồng = 6.500.000 đồng và hụi sống: 3 lần x 200.000 đồng = 600.000 đồng.

Tổng cộng chị L đã đóng thay các dây hụi cho chị D số tiền là 48.950.000 đồng.

Chị Lương Kim L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị Thùy D và anh Trần Thanh Đ phải trả lại tổng số tiền hụi là 48.950.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/7/2022, bị đơn anh Trần Thanh Đ trình bày:**

Anh và chị Lê Thị Thùy D trước đây là vợ chồng, đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn vào năm 2021. Anh và chị L có biết nhau do là hàng xóm ở Khu dân cư xã T. Thời điểm còn sống chung, chị D có tham gia chơi hụi của chị L hay không anh không biết, cũng không nghe chị D nói gì về việc chơi hụi hay nợ nần gì. Sau khi anh và chị D ly hôn cũng không có ai đến đòi nợ nần gì. Đến khi Tòa án thụ lý vụ án thì mới biết chị D có tham gia hụi do chị L làm chủ. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, anh không đồng ý vì bản thân anh không tham gia hụi, không có ký tên vào các giấy hụi và cũng không có nhận tiền hụi gì từ chị L. Nếu chị L có tranh chấp việc góp hụi với chị D thì có thể khởi kiện chị D không liên quan gì đến anh.

* Bị đơn chị Lê Thị Thùy D đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đã được triệu tập họp lệ hai lần để hòa giải nhưng vắng mặt hai lần không có lý do và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

- Chị Lương Kim L yêu cầu Tòa án buộc chị Lê Thị Thùy D phải trả lại số tiền nợ hụi tổng cộng là 48.950.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Anh Trần Thanh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Chị Lê Thị Thùy D vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Kim L, buộc chị Lê Thị Thùy D phải trả lại cho chị Lương Kim L số tiền nợ hụi tổng cộng là 48.950.000 đồng. Ngoài ra, về án phí đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Dương chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Toàn án giải quyết buộc chị Lê Thị Thùy D và anh Trần Thanh Đ phải liên đới trả cho chị L số tiền nợ hụi là 48.950.000 đồng; Chị D và anh Đ có nơi cư trú tại Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng góp hụi” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1

Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Trần Thanh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị Lê Thị Thùy D vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và chị D.

[3]. *Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện:* Tại đơn khởi kiện, Tờ tường trình và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Kim L yêu cầu: Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị Thùy D và anh Trần Thanh Đ phải trả lại tổng số tiền hui là 48.950.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, chị L thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện: Chỉ yêu cầu Tòa án buộc chị Lê Thị Thùy D phải trả lại tổng số tiền hui là 48.950.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Rút lại yêu cầu Tòa án buộc anh Đ liên đới trả nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn đã rút lại yêu cầu buộc anh Trần Thanh Đ liên đới trả nợ. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không bị ai ép buộc, phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị L, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc anh Trần Thanh Đ phải liên đới trả nợ.

[4]. *Về nội dung:* Chị Lương Thị Kim L yêu cầu Tòa án buộc buộc chị Lê Thị Thùy D và anh Trần Thanh Đ phải trả lại tổng số tiền hui là 48.950.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Kim L là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ:

Chị Lê Thị Thùy D có tham gia các dây hui do chị Lộc làm chủ hui, cụ thể như sau:

+ Dây thứ nhất: Hui tuần, mở ngày 06/7/2019 âm lịch, một tuần khui một lần, hui 250.000 đồng/phần, gồm có 29 phần, trong đó chị D tham gia 04 phần. Quy định hui sống đóng 200.000 đồng, hui chết đóng 250.000 đồng. Ở các lần khi thứ nhất, thứ hai và thứ 4, chị D đã hót hui, tổng số tiền hui chị L đã giao cho chị D là 18.000.000 đồng, chị D có ký nhận hui. Như vậy, số tiền chị D phải đóng tiếp là: Hui chết: 25 lần x 3 phần x 250.000 đồng = 18.750.000 đồng và Hui sống: 4 lần x 1 phần x 200.000 đồng = 800.000 đồng. Đến lần khui hui thứ năm cho đến khi dây hui kết thúc, chị D không tiếp tục đóng hui nên chị L đã phải đóng thay cho chị D tổng số tiền hui chết là 18.750.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, chị L chỉ yêu cầu chị D phải trả 17.200.000 đồng là có lợi cho chị D.

+ Dây thứ hai: Hui tháng, khui ngày 10/9/2019 âm lịch, hui 1.000.000 đồng/phần, có 23 phần, chị D tham gia 03 phần. Quy định hui sống đóng 750.000 đồng, hui chết đóng 1.000.000 đồng. Hui khui lần thứ nhất, chị D hót hui, đã nhận đủ tiền hui là 16.200.000 đồng sau khi trừ 300.000 đồng huê hồng cho chủ hui, chị D đã đóng lại được 02 phần hui sống và 01 phần hui chết, chị D có ký nhận hui. Kể từ lần khui hui thứ 2 cho đến khi hui kết thúc, chị D phải đóng lại tiền hui

chết là 22 phần x 1.000.000 đồng = 22.000.000 đồng nhưng chị D không đóng tiền hội, chị L phải đóng thay cho chị D. Tại phiên tòa hôm nay, chị L chỉ yêu cầu chị D hoàn trả với số tiền là 18.500.000 đồng là thấp hơn thực tế, đã có lợi cho chị D.

+ Dây hội thứ ba: Hội tuần, khai lần đầu ngày 08/10/2019 âm lịch, hội 250.000 đồng/phần, gồm có 30 phần, chị D tham gia 01 phần. Quy định hội sống đóng 200.000 đồng, hội chết đóng 250.000 đồng, huê hồng cho chủ hội là 150.000 đồng. Hội khai lần thứ hai thì chị D hốt hội, chị L đã giao đủ số tiền hội cho chị D là 5.700.000 đồng, sau khi trừ tiền huê hồng là 150.000 đồng, chị D có ký nhận hội. Từ lần khai hội thứ ba đến khi dây hội kết thúc, chị D không đóng hội, chị L đã đóng thay cho chị D số tiền là: 6.750.000 đồng.

+ Dây hội thứ 4: Hội tuần, khai lần đầu ngày 11/10/2019 âm lịch, hội 250.000 đồng/phần, gồm 30 phần, chị D tham gia 01 phần. Quy định hội sống đóng 200.000 đồng, hội chết đóng 250.000 đồng. Hội khai đến lần thứ tư thì chị D hốt hội, chị Lộc đã giao số tiền hội là 6.500.000 đồng cho chị D. Kể từ lần khai hội thứ 5 cho đến khi dây hội kết thúc chị D không đóng hội, chị L phải đóng hội thay cho chị D số tiền là 6.500.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hội chị D phải có nghĩa vụ đóng lại cho chị L là hơn 50.000.000 đồng, Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, chị L chỉ yêu cầu chị D trả số tiền là 48.950.000 đồng là có lợi cho chị D.

[5]. *Về đánh giá chứng cứ:* Chị L khởi kiện yêu cầu chị D phải trả cho chị số tiền nợ hội là 48.950.000 đồng. Kèm theo đơn khởi kiện, chị L có giao nộp cho Tòa án kèm theo đơn khởi kiện là các giấy nhận hội do chị D ký tên. Do đó chị L đã có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*". Trong vụ án này bị đơn là chị Lê Thị Thùy D không có sự phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Chị D đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đã được triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã thông báo cho chị D biết về kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng các bị đơn vẫn tiếp tục không có ý kiến. Do đó có cơ sở xác định hợp đồng góp hội giữa chị L với chị D đã được xác lập, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia thực hiện kể từ khi xác lập. Quá trình thực hiện hợp đồng chị L cho rằng sau khi hốt hội, chị D không thực hiện đúng nghĩa vụ đóng hội cho chủ hội. Lời khai của nguyên đơn là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà các đương sự đã được tiếp cận đầy đủ.

[6]. *Về phương thức trả nợ:* Tại phiên tòa hôm nay, chị Lương Kim L yêu cầu chị Lê Thị Thùy D phải trả tiền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy chị D đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và vi phạm nghĩa vụ của thành viên

tham gia chơi hụi theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phường. Chị L đã phải đóng thay cho chị D các khoản nợ hụi trong thời gian dài và đã yêu cầu chị D trả tiền nhiều lần nhưng chị D vẫn không trả mà kéo dài thời gian trả nợ, gây nhiều thiệt thòi về quyền lợi cho chị L. Do đó Hội đồng xét xử buộc chị D phải có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền nợ hụi là 48.950.000 đồng theo thời gian yêu cầu của chị L là phù hợp.

[7]. *Về án phí*: Chị Lê Thị Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án với số tiền án phí phải chịu là 2.447.500 đồng.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9]. Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 274, 278, 280, 357 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 186, 227, 278, 244, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phường;
- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Kim L.

Buộc chị Lê Thị Thùy D phải trả cho chị Lương Kim L số tiền là **48.950.000 đồng** (Bốn mươi tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Lương Kim L có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng chị Lê Thị Thùy D chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

- Chị Lê Thị Thùy D phải chịu **2.447.500** đồng (Hai triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho chị Lương Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **1.224.000** đồng (một triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003150 ngày 30/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Kim L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án; chị Lê Thị Thùy D và anh Trần Thanh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự:
 - + ND: Chị L;
 - + BD: Chị D, anh Đ.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Hải Âu